

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5045 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
sửa chữa, cải tạo hệ thống kênh mương chống hạn tại thôn Khe Cát,
xã Thanh Tân, huyện Như Thanh**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai cho một số địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 233/TTr-SNN&PTNT ngày 26/11/2021, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 5323/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 17/11/2021 và Chi cục Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 512/TTr-CCPTNT ngày 03/11/2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, cải tạo hệ thống kênh mương chống hạn tại thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, cải tạo hệ thống kênh mương chống hạn tại thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, cải tạo hệ thống kênh mương chống hạn tại thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh.

2. Tên chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông thôn.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Thành An.

4. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai, cung cấp nước tưới đồng thời chống hạn cho 27 ha đất sản xuất nông nghiệp của thôn Khe Cát.

5. Nội dung đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Nội dung đầu tư: Sửa chữa, cải tạo hệ thống kênh mương chống hạn tại thôn Khe Cát.

5.2. Thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Đoạn kênh	Chiều dài (m)	Q_{tk} (m^3/s)	B_k (cm)	H_k (cm)
1	K0+0,65 ÷ K0+168,65	168	0,035	Ống thép, đường kính $\Phi 300$ mm	
2	K0+168,65 ÷ K0+319,55	150,9	0,029	40	45
3	K0+319,55 ÷ K0+355,55	36	0,035	Ống thép, đường kính $\Phi 300$ mm	

6. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

- Đoạn kênh từ K0+0,65 ÷ K0+168,65 và K0+319,55 ÷ K0+355,55 là kênh máng, hiện đáy máng bị nứt gãy không có khả năng tải nước. Giữ nguyên hiện trạng máng, luồn ống thép, đường kính $\Phi 300$ mm vào trong lòng, đệm cát đáy và một nửa thân ống để tránh chuyển vị ống.

- Đoạn kênh từ K0+168,65 ÷ K0+319,55 là đoạn kênh xây hiện có đã bị thủng đáy, đứt gãy được tháo dỡ và hoàn trả bằng kênh có mặt cắt hình chữ nhật, kích thước (BxH) = (40x45) cm, kết cấu bằng bê tông thường (BTT) M200, đáy kênh lót nilon tái sinh, dọc theo chiều dài kênh cứ 10 m bố trí một khe lún chèn giấy dầu tấm nhựa đường.

- Công trình trên tuyến kênh:

+ Tại vị trí K0+183 tuyến kênh cắt qua đường dân sinh, bố trí cống qua đường, chiều dài cống $L = 4$ m, khẩu diện (BxH) = (40x45) cm, thân cống bằng BTT M200, mũ mố và tấm đan nắp cống bằng bê tông cốt thép M200.

+ Tại vị trí K0+224 bố trí bậc nước kết cấu bằng BTT M200.

7. Loại, cấp công trình: Công trình thủy lợi, cấp IV.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Thanh Tân, huyện Như Thanh.

9. Diện tích sử dụng đất: Công trình xây dựng trên hiện trạng công trình hiện có nên không có diện tích chiếm đất.

10. Tổng mức đầu tư: 793,0 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	635,8 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	18,9 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	92,9 triệu đồng;
Chi phí khác:	7,6 triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	37,8 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (theo Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2022.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình sửa chữa, cải tạo hệ thống kênh mương chống hạn tại thôn Khe Cát,
xã Thanh Tân, huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	Chi phí xây dựng (Gxd)		635,8
II	Chi phí quản lý dự án	$3,263 \% \times Gxd/1,1$	18,9
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		92,9
1	Chi phí khảo sát địa hình (Gks)	QĐ 16/QĐ-CCPTNT ngày 08/9/2021	30,879
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		43,400
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	$3 \% \times Gks$	0,926
4	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	$4,072 \% \times Gks/1,1$	1,143
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,598 \% \times Gxd$	16,519
IV	Chi phí khác		7,6
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$0,019 \% \times TMĐT \times 0,5$	0,076
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,570 \% \times TMĐTlt$	4,560
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Tạm tính	3,000
V	Chi phí dự phòng	$5,00 \% \times (I+II+III+IV)$	37,8
	Tổng cộng		793,0